

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai Danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn xã Hồ Thị Kỷ

Căn cứ Quyết định số 01565/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc tiếp cận và thực hiện các thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân xã Hồ Thị Kỷ thông báo việc niêm yết công khai các nội dung sau:

1. Nội dung niêm yết: Công khai Danh mục thủ tục hành chính cấp xã thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính, bao gồm **425 thủ tục** thuộc thẩm quyền quản lý của các Sở, ngành liên quan được triển khai tại cấp xã.

2. Hình thức và địa điểm niêm yết:

- *Niem yết trực tiếp:* Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
- *Niem yết điện tử:* Trên Trang thông tin điện tử của xã.

3. Quy định về tiếp nhận và trả kết quả:

- Người dân có nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính có thể lựa chọn nộp hồ sơ tại UBND xã Hồ Thị Kỷ qua hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp, không phụ thuộc vào nơi cư trú hay địa giới hành chính trong phạm vi tỉnh Cà Mau.
- Thời gian chuyển hồ sơ giấy (nếu có) đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận.
- Kết quả sẽ được trả trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận ban đầu hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tùy theo đăng ký của tổ chức, cá nhân.

UBND xã Hồ Thị Kỷ trân trọng thông báo để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các khu vực lân cận được biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lãnh đạo TTPVHCC xã;
- Các ấp (để thông báo cho nhân dân);
- Lưu: VT.



KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Nhàn



DANH MỤC
LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN KHÔNG PHỤ THUỘC
VÀO ĐỊA GIỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU
(THUỘC THẨM QUYỀN CẤP XÃ GIẢI QUYẾT)

*Trên cơ sở Thông báo số 143 /TB-UBND, của UBND xã Hồ Thị Kỷ
ngày tháng năm 2026)*

STT	Mã	Tên DVCTT	DVCTT TOÀN TRÌNH	DVCTT MỘT PHẦN	
I	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ				
1	1.001731.000.00.00.H12	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	X		
2	2.001942.000.00.00.H12	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	X		
3	2.001944.000.00.00.H12	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	X		
4	1.004941.000.00.00.H12	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	X		
5	2.001947.000.00.00.H12	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	X		
6	1.004944.000.00.00.H12	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	X		
7	1.004946.000.00.00.H12	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	X		
8	1.014332.H12	Cấp lại Giấy chứng sinh	X		
9	1.014331.H12	Cấp Giấy chứng sinh	X		
10	1.014027.H12	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	X		
64					
11	1.014028.H12	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	X		
12	1.010939.000.00.00.H12	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	X		
13	1.010941.000.00.00.H12	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	X		
14	1.010938.000.00.00.H12	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	X		

15	1.010940.000.00.00.H1 2	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	X		
16	2.001088.000.00.00.H1 2	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	X		
17	2.000282.000.00.00.H1 2	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	X		
18	2.000286.000.00.00.H1 2	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	X		
19	2.000477.000.00.00.H12	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	X		
20	2.001661.000.00.00.H1 2	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	X		
21	1.001653.000.00.00.H1 2	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	X		
22	1.001699.000.00.00.H1 2	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	X		
23	2.000355.000.00.00.H12	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	X		
24	1.001776.000.00.00.H1 2	Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	X		
II	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG				
25	1.014158.H12	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn (đối với quy hoạch chi tiết do Nhà đầu tư tổ chức lập)	X		
26	1.014156.H12	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn (đối với quy hoạch chi tiết do Nhà đầu tư tổ chức lập).	X		
27	1.014157.H12	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn (đối với quy hoạch chi tiết do Nhà đầu tư tổ chức lập)	X		
28	1.014155.H12	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn (đối với quy hoạch chi tiết do Nhà đầu tư tổ chức lập)	X		
29	1,010,322	Thẩm định dự án thuộc đối tượng lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật do UBND tỉnh hoặc chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư (Phần nhiệm vụ thẩm định của người quyết định đầu tư dự án) hoặc Thẩm định dự án thuộc đối tượng lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật do UBND huyện hoặc chủ tịch UBND huyện quyết định đầu tư (Phần nhiệm vụ thẩm định cơ quan chuyên môn về xây dựng)	X		

30	1.012888.000.00.00.H1 2	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	X		
31	1.009465.000.00.00.H1 2	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	X		
32	1.009455.000.00.00.H1 2	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	X		
33	1.009454.000.00.00.H1 2	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	X		
34	1.009453.000.00.00.H1 2	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	X		
35	1.009452.000.00.00.H1 2	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	X		
36	1.003658.000.00.00.H1 2	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	X		
37	2.001218.000.00.00.H12	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	X		
38	2.001217.000.00.00.H1 2	Thủ tục đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	X		
39	2.001215.000.00.00.H1 2	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	X		
40	2.001214.000.00.00.H1 2	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	X		
41	2.001212.000.00.00.H1 2	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	X		
42	2.001211.000.00.00.H1 2	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	X		
43	1.014159.H12	Cung cấp thông tin về hồ sơ cấm mốc, thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	X		
44	1.009447.000.00.00.H1 2	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	X		
45	1.004047.000.00.00.H1 2	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	X		
46	1.003970.000.00.00.H1 2	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	X		
47	1.000314.000.00.00.H1 2	Chấp thuận vị trí đậu nổi tạm vào đường bộ đang khai thác	X		
48	1.005040.000.00.00.H1 2	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	X		
49	2.001921.000.00.00.H1 2	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác	X		

50	1.004088.000.00.00.H1 2	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	X		
51	1.004002.000.00.00.H1 2	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	X		
52	1.003930.000.00.00.H1 2	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	X		
53	2.001659.000.00.00.H1 2	Xóa đăng ký phương tiện	X		
54	1.004036.000.00.00.H1 2	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	X		
55	1.013061.000.00.00.H1 2	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	X		
56	1.009444.000.00.00.H12	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	X		
57	1.006391.000.00.00.H1 2	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	X		
58	1.013274.000.00.00.H1 2	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	X		
59	1.013227.000.00.00.H1 2	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	X		
60	1.013228.000.00.00.H1 2	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	X		
61	1.013229.000.00.00.H1 2	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	X		

62	1.013225.000.00.00.H1 2	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	X		
63	1.013232.000.00.00.H1 2	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	X		
64	1.013226.000.00.00.H12	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ 1	X		
65	1,013,209	Cấp phép thi công nút giao	X		
66	1,013,208	Gia hạn chấp thuận thiết kế nút giao	X		
67	1,013,207	Chấp thuận thiết kế nút giao	X		
68	1,013,210	Gia hạn cấp phép thi công nút giao	X		
69	1,010,908	Kiểm tra công tác nghiệm thu (đối với công trình xây dựng trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của UBND cấp huyện)	X		
70	1,010,906	thẩm định dự án thuộc đối tượng lập Báo cáo nghiên cứu khả thi do UBND huyện hoặc Chủ tịch UBND huyện quyết định đầu tư (Phần nhiệm vụ thẩm định cơ quan chuyên môn về xây dựng)	X		
71	1,010,909	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng trên địa bàn hành chính của huyện	X		
72	1,010,907	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư do UBND huyện hoặc Chủ tịch UBND huyện quyết định đầu tư (Phần nhiệm vụ thẩm định cơ quan chuyên môn về xây dựng)	X		
73	2.001711.000.00.00.H1 2	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	X		
74	1,007,868	Đánh số và gắn biển số nhà theo nhu cầu của chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng nhà	X		
75	1,007,867	Cấp lại biển số nhà theo nhu cầu của chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng nhà	X		

76	1,007,823	Gia hạn sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường làm điểm trông, giữ xe có thu phí	X		
77	1,007,822	Gia hạn sử dụng tạm thời một phần lòng đường làm điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị	X		
78	1,007,821	Gia hạn sử dụng tạm thời một phần hè phố làm điểm trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của hộ gia đình	X		
79	1,007,820	Sử dụng tạm thời một phần lòng đường làm điểm trông, giữ xe ô tô phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội	X		
80	1,007,819	Sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường làm điểm trông, giữ xe có thu phí	X		
81	1,007,818	Sử dụng tạm thời một phần lòng đường làm điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị	X		
82	1,007,815	Sử dụng tạm thời một phần hè phố làm điểm trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của hộ gia đình	X		
83	1,007,812	Sử dụng tạm thời một phần hè phố làm điểm trông, giữ xe phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội	X		
84	1,007,809	Sử dụng tạm thời một phần hè phố tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước	X		
III	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG				
85	1.008004.000.00.00.H1 2	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	X		
86	1.003596.000.00.00.H1 2	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	X		
87	1.003440.000.00.00.H1 2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	X		
88	1.003446.000.00.00.H1 2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	X		
89	2.001621.000.00.00.H1 2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	X		
90	1.001662.000.00.00.H1 2	Đăng ký khai thác nước dưới đất	X		
91	1.004082.000.00.00.H1 2	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	X		

92	1.013768.H12	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	X		
93	1.010736.000.00.00.H1 2	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	X		
94	1.010092.000.00.00.H1 2	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	X		
95	1.010091.000.00.00.H1 2	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	X		
96	1.004478.000.00.00.H1 2	Công bố mở cảng cá loại III	X		
97	1.003347.000.00.00.H1 2	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	X		
98	1.003471.000.00.00.H1 2	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	X		
99	2.001627.000.00.00.H12	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	X		
100	1.014259.H12	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp xã)	X		
101	1.014258.H12	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp xã)	X		
102	1.014284.H12	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	X		
103	1.014275.H12	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	X		
104	3.000502.H12	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	X		
105	1.013997.H12	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	X		
106	1.013979.H12	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thừa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	X		
107	1.013965.H12	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	X		

108	1.013962.H12	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	X		
109	1.013949.H12	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	X		
110	1.013967.H12	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	X		
111	1.013952.H12	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	X		
112	1.013953.H12	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	X		

113	1.013978.H12	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	X		
114	1.013950.H12	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	X		
115	3.000441.H12	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	X		
116	3.000442.H12	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	X		
117	3.000439.H12	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	X		
118	3.000440.H12	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	X		
119	3.000443.H12	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	X		
120	3.000412.000.00.00.H1 2	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	X		
121	1.012922.000.00.00.H1 2	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	X		
122	1.012837.000.00.00.H12	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	X		
123	1.012836.000.00.00.H1 2	Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	X		
124	1.012817.000.00.00.H1 2	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	X		
125	1.012818.000.00.00.H1 2	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	X		
126	1.012791.000.00.00.H1 2	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	X		
127	1.012796.000.00.00.H1 2	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	X		

128	1.012753.000.00.00.H1 2	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	X		
129	1.012812.000.00.00.H1 2	Hòa giải tranh chấp đất đai	X		
130	1.012695.000.00.00.H1 2	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	X		
131	1.012694.000.00.00.H1 2	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	X		
132	1.012531.000.00.00.H1 2	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	X		
133	3.000250.000.00.00.H1 2	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	X		
134	1.011608.000.00.00.H1 2	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	X		
135	1.011607.000.00.00.H1 2	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	X		
136	1.011606.000.00.00.H1 2	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	X		
137	1.011609.000.00.00.H12	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	X		
138	1.011471.000.00.00.H1 2	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	X		
139	1.003434.000.00.00.H1 2	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	X		
140	1.007919.000.00.00.H1 2	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	X		
141	1.003956.000.00.00.H1 2	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	X		
142	1.004498.000.00.00.H1 2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	X		
IV	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP				
143	1.002211.000.00.00.H1 2	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	X		
144	1.000656.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký khai tử	X		
145	1.004837.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký giám hộ	X		

146	2.002349.H12	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	X		
147	1.000080.H12	đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	X		
148	1.004827.H12	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	X		
149	1.000110.H12	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	X		
150	2.000424.H12	thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	X		
151	3.000323.000.00.00.H1 2	Đăng ký giám sát việc giám hộ	X		
152	3.000322.000.00.00.H1 2	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	X		
153	2.002363.000.00.00.H1 2	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	X		
154	2.000950.000.00.00.H1 2	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	X		
155	2.000930.000.00.00.H1 2	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	X		
156	1.001022.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	X		
157	1.001193.000.00.00.H1 2	Đăng ký khai sinh cấp xã	X		
158	1.004772.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	X		
159	1.004845.000.00.00.H12	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	X		
160	1.004859.000.00.00.H1 2	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	X		
161	1.004873.000.00.00.H1 2	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	X		
162	1.004884.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	X		
163	1.005461.000.00.00.H1 2	Đăng ký lại khai tử	X		
164	2.001255.000.00.00.H1 2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	X		
165	2.000522.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	X		
166	2.000748.000.00.00.H1 2	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	X		
167	2.000779.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	X		
168	2.000497.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	X		
169	1.000893.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	X		
170	2.002189.000.00.00.H1 2	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	X		

171	2.000547.000.00.00.H1 2	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	X		
172	2.000554.000.00.00.H1 2	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	X		
173	2.000756.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	X		
174	1.001669.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	X		
175	2.000528.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	X		
176	1.001766.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	X		
177	2.002516.000.00.00.H1 2	Xác nhận thông tin hộ tịch	X		
178	2.000635.000.00.00.H1 2	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	X		
179	2.002080.000.00.00.H1 2	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	X		
180	1.003005.H12	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	X		
181	1.000094.H12	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	X		
182	2.001263.000.00.00.H1 2	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	X		
183	2.001009.000.00.00.H12	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	X		
184	2.001406.000.00.00.H1 2	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	X		
185	2.001016.000.00.00.H1 2	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	X		
186	2.001019.000.00.00.H1 2	Thủ tục chứng thực di chúc	X		
187	2.001035.000.00.00.H1 2	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	X		
188	2.000986.000.00.00.H1 2	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	X		
189	2.001023.000.00.00.H1 2	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	X		
190	1.001695.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	X		
191	1.003583.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	X		
192	1.000419.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	X		

193	1.000593.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	X		
194	1.000894.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký kết hôn	X	Ký vào Sổ bộ	
195	1.004746.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	X		
196	2.000513.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	X		
197	2.000806.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	X		
198	2.002165.000.00.00.H1 2	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	X		
199	2.001008.000.00.00.H1 2	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	X		
200	2.000992.000.00.00.H1 2	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	X		
201	1.000689.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	X		
202	2.000884.000.00.00.H1 2	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	X		
203	2.000815.000.00.00.H1 2	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	X		
204	2.000942.000.00.00.H1 2	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	X		
205	2.000927.000.00.00.H12	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	X		
206	2.000913.000.00.00.H1 2	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	X		
207	2.000908.000.00.00.H1 2	Cấp bản sao từ sổ gốc	X		
V	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ				
208	1.010821.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	X		
209	1.010816.000.00.00.H1 2	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	X		
210	1.010817.000.00.00.H1 2	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	X		
211	2.002308.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	X		
212	1.010833.000.00.00.H1 2	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	X		
213	1.013750.H12	Thăm viếng mộ liệt sĩ	X		
214	1.013734.H12	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	X		

215	1.010825.000.00.00.H1 2	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	X		
216	1.010811.000.00.00.H1 2	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chính hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	X		
217	1.010824.000.00.00.H1 2	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi tử trần	X		
218	1.010802.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	X		
219	1.010804.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	X		
220	1.010803.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	X		
221	1.010819.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	X		
222	1.010820.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	X		
223	1.010829.000.00.00.H1 2	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	X		
224	1.010830.000.00.00.H1 2	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	X		
225	1.010818.000.00.00.H12	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	X		
226	1.010814.000.00.00.H1 2	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	X		
227	1.010801.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	X		
228	1.001257.000.00.00.H1 2	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	X		
229	1.004964.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia	X		

230	2.001157.000.00.00.H1 2	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	X		
231	1.014359.H12	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hòa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	X		
232	1.014150.H12	Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	X		
233	1.014149.H12	Xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	X		
234	1.012426.H12	Tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” cho cá nhân theo công trạng	X		
235	1.013706.H12	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	X		
236	1.013703.H12	Thành lập hội	X		
237	1.013717.H12	Quỹ tự giải thể	X		
238	1.013710.H12	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	X		
239	1.013716.H12	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	X		
240	1.013708.H12	Hội tự giải thể	X		
241	1.013712.H12	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	X		
242	1.013713.H12	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	X		
243	1.013702.H12	Công nhận ban vận động thành lập hội	X		
244	1.013715.H12	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	X		
245	1.013709.H12	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	X		
246	1.013707.H12	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	X		
247	1.013714.H12	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	X		
248	1.013711.H12	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	X		
249	1.013704.H12	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	X		
250	1.013745.H12	Xác nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân	X		
251	1.010773.H12	Tổ chức phát động học tập tấm gương trong phạm vi cả nước đối với trường hợp hy sinh, bị thương quy định tại điểm k khoản 1 Điều 14 và điểm k khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh	X		
252	1.010783.H12	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý	X		

253	1.013743.H12	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đăng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ, sỹ quan thuộc lực lượng vũ trang (công an, quân đội)	X		
254	1.013744.H12	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đăng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng thuộc diện Trung ương quản lý	X		
255	1.013749.H12	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đăng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	X		
256	1.010778.H12	Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”	X		
257	1.010774.H12	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	X		
258	1.010781.H12	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	X		
259	1.010772.H12	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”	X		
260	1.013725.H12	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh	X		
261	1.013724.H12	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	X		
262	1.012300.000.00.00.H1 2	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	X		
263	1.012301.000.00.00.H1 2	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	X		
264	1.012299.000.00.00.H1 2	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	X		
265	1.010812.000.00.00.H1 2	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	X		
266	1.010805.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	X		
267	1.010815.000.00.00.H1 2	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	X		

268	1.010810.000.00.00.H1 2	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	X		
269	2.002307.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	X		
270	2.002303.000.00.00.H1 2	Lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý	X		
271	2.001396.000.00.00.H1 2	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	X		
VI	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO				
272	1.008951.000.00.00.H1 2	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	X		
273	1.008950.000.00.00.H1 2	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	X		
274	1.001622.000.00.00.H1 2	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	X		
275	1.003702.000.00.00.H1 2	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	X		
276	2.001904.000.00.00.H1 2	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc THCS	X		
277	1.005108.000.00.00.H1 2	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc THCS	X		
278	3.000467.H12	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	X		
279	2.002482.000.00.00.H1 2	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	X		
280	2.002481.000.00.00.H1 2	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	X		
281	3.000182.000.00.00.H1 2	Tuyển sinh trung học cơ sở	X		
282	1.002407.000.00.00.H1 2	Xét, cấp học bổng chính sách	X		
283	1.005099.000.00.00.H12	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	X		
284	1.001714.000.00.00.H1 2	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	X		
285	1.005090.000.00.00.H1 2	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	X		
286	3.000468.H12	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	X		
287	2.002771.000.00.00.H1 2	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	X		
288	2.002770.000.00.00.H1 2	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	X		

289	3.000309.000.00.00.H1 2	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	X		
290	1.012964.000.00.00.H1 2	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	X		
291	1.012963.000.00.00.H1 2	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	X		
292	1.012961.000.00.00.H1 2	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	X		
293	1.012969.000.00.00.H1 2	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	X		
294	1.012971.000.00.00.H1 2	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	X		
295	1.012967.000.00.00.H1 2	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	X		
296	3.000307.000.00.00.H1 2	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	X		
297	1.012973.000.00.00.H1 2	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	X		
298	1.012968.000.00.00.H1 2	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	X		
299	1.012962.000.00.00.H1 2	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	X		
300	3.000308.000.00.00.H1 2	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	X		
301	1.012974.000.00.00.H1 2	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	X		
302	1.012966.000.00.00.H1 2	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	X		
303	1.012965.000.00.00.H12	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	X		
304	1.012970.000.00.00.H1 2	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	X		
305	1.012972.000.00.00.H1 2	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	X		
306	1.012975.000.00.00.H1 2	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	X		

307	2.002483.000.00.00.H1 2	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	X		
308	1.008725.000.00.00.H1 2	Chuyển đổi trường tiểu học tư thực, trường trung học cơ sở tư thực và trường phổ thông tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	X		
309	1.008724.000.00.00.H1 2	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	X		
310	2.002284.000.00.00.H1 2	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	X		
311	1.006445.000.00.00.H1 2	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	X		
312	1.006444.000.00.00.H1 2	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	X		
313	2.001842.000.00.00.H1 2	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	X		
314	1.001639.000.00.00.H1 2	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	X		
315	1.004552.000.00.00.H1 2	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	X		
316	1.004563.000.00.00.H1 2	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	X		
317	1.006390.000.00.00.H1 2	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	X		
318	1.000715.000.00.00.H1 2	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	X		
319	2.001960.000.00.00.H1 2	Thủ tục cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập	X		
320	1.000280.000.00.00.H1 2	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	X		
VII	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH				
321	1.014034.H12	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	X		
322	1.014035.H12	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	X		
323	2.002668.000.00.00.H1 2	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	X		
324	2.002641.000.00.00.H1 2	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	X		
325	2.002646.000.00.00.H1 2	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	X		

326	2.002649.000.00.00.H1 2	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	X		
327	2.002640.000.00.00.H1 2	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	X		
328	2.002648.000.00.00.H1 2	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	X		
329	2.002650.000.00.00.H1 2	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	X		
330	2.002636.000.00.00.H1 2	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	X		
331	2.002635.000.00.00.H1 2	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	X		
332	2.002639.000.00.00.H1 2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	X		
333	2.002637.000.00.00.H1 2	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	X		
334	2.002645.000.00.00.H1 2	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	X		
335	2.002644.000.00.00.H1 2	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	X		
336	2.002643.000.00.00.H1 2	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	X		
337	2.002642.000.00.00.H1 2	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	X		
338	2.002638.000.00.00.H1 2	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	X		
339	1.004901.000.00.00.H1 2	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	X		
340	2.001958.000.00.00.H1 2	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	X		
341	1.004979.000.00.00.H1 2	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	X		
342	1.004982.000.00.00.H12	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	X		
343	1.005010.000.00.00.H1 2	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	X		

344	2.001973.000.00.00.H1 2	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	X		
345	1.005277.000.00.00.H1 2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	X		
346	2.002123.000.00.00.H1 2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	X		
347	1.005280.000.00.00.H1 2	Đăng ký thành lập hợp tác xã	X		
348	1.005377.000.00.00.H1 2	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	X		
349	1.005378.000.00.00.H1 2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	X		
350	2.000575.000.00.00.H1 2	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	X		
351	1.001266.000.00.00.H1 2	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	X		
352	1.001570.000.00.00.H1 2	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	X		
353	2.000720.000.00.00.H1 2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	X		
354	1.001612.000.00.00.H1 2	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	X		
355	1.014371.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Quỹ hợp tác xã) địa phương hoạt động theo mô hình hợp tác xã	X		
356	3.000410.000.00.00.H1 2	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là di sản không có người thừa kế	X		
357	3.000327.000.00.00.H1 2	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	X		
358	3.000326.000.00.00.H1 2	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	X		
359	3.000325.000.00.00.H1 2	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	X		
360	1.013040.000.00.00.H1 2	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	X		
361	1.012996.000.00.00.H1 2	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	X		
362	1.012994.000.00.00.H1 2	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	X		
363	1.012995.000.00.00.H1 2	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	X		
364	1.008603.000.00.00.H1 2	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	X		
365	2.002226.000.00.00.H12	Thông báo thành lập tổ hợp tác	X		
366	2.002228.000.00.00.H1 2	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	X		

367	1.005412.000.00.00.H1 2	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	X		
VIII	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG				
368	2.001240.000.00.00.H1 2	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	X		
369	2.000615.000.00.00.H1 2	Cấp sửa đổi, bổ sung Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	X		
370	2.000620.000.00.00.H1 2	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	X		
371	1.001279.000.00.00.H1 2	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	X		
372	2.000629.000.00.00.H1 2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	X		
373	2.000633.000.00.00.H1 2	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	X		
374	2.000150.000.00.00.H1 2	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	X		
375	2.000162.000.00.00.H1 2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	X		
376	2.000181.000.00.00.H1 2	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	X		
377	2.000206.H12	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	X		
378	1.012569.000.00.00.H1 2	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	X		
379	1.012568.000.00.00.H1 2	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý	X		
380	2.002620.000.00.00.H1 2	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	X		
381	1.012427.000.00.00.H1 2	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	X		
382	2.001261.000.00.00.H1 2	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	X		
383	2.001270.000.00.00.H1 2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	X		
384	2.001283.000.00.00.H1 2	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	X		
385	2.002096.000.00.00.H1 2	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	X		
IX	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO				
386	1.013796.H12	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔNGIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT XÃ	X		

387	1.013797.H12	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT XÃ	X		
388	1.013798.H12	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC TRONG MỘT XÃ	X		
389	1.012584.000.00.00.H1 2	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	X		
390	1.012582.000.00.00.H1 2	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	X		
391	1.012585.000.00.00.H1 2	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	X		
392	1.012590.000.00.00.H1 2	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	X		
393	1.012592.000.00.00.H1 2	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	X		
394	1.012591.000.00.00.H1 2	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	X		
395	1.012223.000.00.00.H1 2	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	X		
396	1.012222.000.00.00.H1 2	Công nhận người có uy tín	X		
X	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH				
397	1.014312.H12	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	X		
398	1.014310.H12	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	X		
399	1.013791.H12	tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	X		
400	1.013793.H12	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	X		
401	1.013794.H12	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	X		
402	1.013795.H12	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	X		
403	1.013792.H12	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	X		

404	1.012085.000.00.00.H1 2	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	X		
405	1.012084.000.00.00.H1 2	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	X		
406	1.003622.000.00.00.H1 2	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	X		
407	2.000794.000.00.00.H1 2	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	X		
XI	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA THANH TRA TỈNH				
408	2.002501.000.00.00.H1 2	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	X		
409	1.010945.000.00.00.H1 2	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	X		
410	2.002409.000.00.00.H1 2	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	X		
411	2.002396.000.00.00.H1 2	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	X		
412	2.002400.000.00.00.H1 2	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	X		
413	2.002401.000.00.00.H1 2	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	X		
414	2.002402.000.00.00.H1 2	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	X		
415	2.002403.000.00.00.H1 2	Thủ tục thực hiện việc giải trình	X		
XI	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA CÔNG AN TỈNH				
416	3.000494.H12	Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân	X		
417	3.000509.H12	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, bị thương	X		
418	3.000510.H12	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị chết	X		
419	1.013314.000.00.00.H1 2	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	X		
420	1.013313.000.00.00.H1 2	Xác nhận nơi thường xuyên đầu, đổ; sử dụng phương tiện vào mục đích đi ở	X		
421	1.012533.000.00.00.H12	Tuyển chọn Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự	X		

422	1.012537.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ	X		
423	1.012538.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ	X		
XII	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH				
424	1.013173.H12	Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp “Giấy chứng nhận” đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ	X		
425	1.013128.H12	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cơ sở, cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển.	X		

STT	Mã	Tên DVCTT	DVCTT TOÀN TRÌNH	DVCTT MỘT PHẦN	Ghi chú
I	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ				
1	1.001731.000.00.00.H12	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	X		
2	2.001942.000.00.00.H12	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	X		
3	2.001944.000.00.00.H1 2	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	X		
4	1.004941.000.00.00.H1 2	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	X		
5	2.001947.000.00.00.H1 2	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	X		
6	1.004944.000.00.00.H1 2	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	X		
7	1.004946.000.00.00.H1 2	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	X		

8	1.014332.H12	Cấp lại Giấy chứng sinh	X		
9	1.014331.H12	Cấp Giấy chứng sinh	X		
10	1.014027.H12	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	X		
64					
11	1.014028.H12	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	X		
12	1.010939.000.00.00.H1 2	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	X		
13	1.010941.000.00.00.H1 2	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	X		
14	1.010938.000.00.00.H1 2	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	X		
15	1.010940.000.00.00.H1 2	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	X		
16	2.001088.000.00.00.H1 2	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	X		
17	2.000282.000.00.00.H1 2	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	X		
18	2.000286.000.00.00.H1 2	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	X		
19	2.000477.000.00.00.H12	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	X		
20	2.001661.000.00.00.H1 2	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	X		
21	1.001653.000.00.00.H1 2	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	X		
22	1.001699.000.00.00.H1 2	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	X		
23	2.000355.000.00.00.H12	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	X		
24	1.001776.000.00.00.H1 2	Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	X		
II	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG				
25	1.014158.H12	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn (đối với quy hoạch chi tiết do Nhà đầu tư tổ chức lập)	X		
26	1.014156.H12	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn (đối với quy hoạch chi tiết do Nhà đầu tư tổ chức lập).	X		

27	1.014157.H12	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn (đối với quy hoạch chi tiết do Nhà đầu tư tổ chức lập)	X		
28	1.014155.H12	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn (đối với quy hoạch chi tiết do Nhà đầu tư tổ chức lập)	X		
29	1,010,322	Thẩm định dự án thuộc đối tượng lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật do UBND tỉnh hoặc chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư (Phần nhiệm vụ thẩm định của người quyết định đầu tư dự án) hoặc Thẩm định dự án thuộc đối tượng lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật do UBND huyện hoặc chủ tịch UBND huyện quyết định đầu tư (Phần nhiệm vụ thẩm định cơ quan chuyên môn về xây dựng)	X		
30	1.012888.000.00.00.H1 2	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	X		
31	1.009465.000.00.00.H1 2	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	X		
32	1.009455.000.00.00.H1 2	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	X		
33	1.009454.000.00.00.H1 2	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	X		
34	1.009453.000.00.00.H1 2	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	X		
35	1.009452.000.00.00.H1 2	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	X		
36	1.003658.000.00.00.H1 2	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	X		
37	2.001218.000.00.00.H12	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	X		
65					
38	2.001217.000.00.00.H1 2	Thủ tục đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	X		
39	2.001215.000.00.00.H1 2	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	X		
40	2.001214.000.00.00.H1 2	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	X		
41	2.001212.000.00.00.H1 2	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	X		

42	2.001211.000.00.00.H1 2	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	X		
43	1.014159.H12	Cung cấp thông tin về hồ sơ cấm mốc, thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	X		
44	1.009447.000.00.00.H1 2	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	X		
45	1.004047.000.00.00.H1 2	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	X		
46	1.003970.000.00.00.H1 2	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	X		
47	1.000314.000.00.00.H1 2	Chấp thuận vị trí đầu nổi tạm vào đường bộ đang khai thác	X		
48	1.005040.000.00.00.H1 2	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	X		
49	2.001921.000.00.00.H1 2	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác	X		
50	1.004088.000.00.00.H1 2	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	X		
51	1.004002.000.00.00.H1 2	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	X		
52	1.003930.000.00.00.H1 2	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	X		
53	2.001659.000.00.00.H1 2	Xóa đăng ký phương tiện	X		
54	1.004036.000.00.00.H1 2	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	X		
55	1.013061.000.00.00.H1 2	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	X		
56	1.009444.000.00.00.H12	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	X		
57	1.006391.000.00.00.H1 2	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	X		
58	1.013274.000.00.00.H1 2	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	X		
59	1.013227.000.00.00.H1 2	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	X		

60	1.013228.000.00.00.H1 2	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	X		
61	1.013229.000.00.00.H1 2	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	X		
62	1.013225.000.00.00.H1 2	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	X		
66					
63	1.013232.000.00.00.H1 2	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	X		
64	1.013226.000.00.00.H12	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ 1	X		
65	1,013,209	Cấp phép thi công nút giao	X		
66	1,013,208	Gia hạn chấp thuận thiết kế nút giao	X		
67	1,013,207	Chấp thuận thiết kế nút giao	X		
68	1,013,210	Gia hạn cấp phép thi công nút giao	X		
69	1,010,908	Kiểm tra công tác nghiệm thu (đối với công trình xây dựng trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của UBND cấp huyện)	X		

70	1,010,906	thẩm định dự án thuộc đối tượng lập Báo cáo nghiên cứu khả thi do UBND huyện hoặc Chủ tịch UBND huyện quyết định đầu tư (Phần nhiệm vụ thẩm định cơ quan chuyên môn về xây dựng)	X		
71	1,010,909	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng trên địa bàn hành chính của huyện	X		
72	1,010,907	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư do UBND huyện hoặc Chủ tịch UBND huyện quyết định đầu tư (Phần nhiệm vụ thẩm định cơ quan chuyên môn về xây dựng)	X		
73	2.001711.000.00.00.H1 2	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	X		
74	1,007,868	Đánh số và gắn biển số nhà theo nhu cầu của chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng nhà	X		
75	1,007,867	Cấp lại biển số nhà theo nhu cầu của chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng nhà	X		
76	1,007,823	Gia hạn sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường làm điểm trông, giữ xe có thu phí	X		
77	1,007,822	Gia hạn sử dụng tạm thời một phần lòng đường làm điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị	X		
78	1,007,821	Gia hạn sử dụng tạm thời một phần hè phố làm điểm trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của hộ gia đình	X		
79	1,007,820	Sử dụng tạm thời một phần lòng đường làm điểm trông, giữ xe ô tô phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội	X		
80	1,007,819	Sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường làm điểm trông, giữ xe có thu phí	X		
81	1,007,818	Sử dụng tạm thời một phần lòng đường làm điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị	X		
82	1,007,815	Sử dụng tạm thời một phần hè phố làm điểm trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của hộ gia đình	X		
83	1,007,812	Sử dụng tạm thời một phần hè phố làm điểm trông, giữ xe phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội	X		
84	1,007,809	Sử dụng tạm thời một phần hè phố tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước	X		
III	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI				

85	1.008004.000.00.00.H1 2	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	X		
86	1.003596.000.00.00.H1 2	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	X		
87	1.003440.000.00.00.H1 2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	X		
88	1.003446.000.00.00.H1 2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	X		
89	2.001621.000.00.00.H1 2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	X		
90	1.001662.000.00.00.H1 2	Đăng ký khai thác nước dưới đất	X		
67					
91	1.004082.000.00.00.H1 2	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	X		
92	1.013768.H12	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	X		
93	1.010736.000.00.00.H1 2	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	X		
94	1.010092.000.00.00.H1 2	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	X		
95	1.010091.000.00.00.H1 2	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	X		
96	1.004478.000.00.00.H1 2	Công bố mở cảng cá loại III	X		
97	1.003347.000.00.00.H1 2	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	X		
98	1.003471.000.00.00.H1 2	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	X		
99	2.001627.000.00.00.H12	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	X		
100	1.014259.H12	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp xã)	X		
101	1.014258.H12	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp xã)	X		
102	1.014284.H12	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	X		

103	1.014275.H12	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	X		
104	3.000502.H12	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây được liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	X		
105	1.013997.H12	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	X		
106	1.013979.H12	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	X		
107	1.013965.H12	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	X		
108	1.013962.H12	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	X		
109	1.013949.H12	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	X		

110	1.013967.H12	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	X		
111	1.013952.H12	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	X		
68					
112	1.013953.H12	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	X		
113	1.013978.H12	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	X		
114	1.013950.H12	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	X		
115	3.000441.H12	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	X		
116	3.000442.H12	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	X		
117	3.000439.H12	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	X		
118	3.000440.H12	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	X		
119	3.000443.H12	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	X		
120	3.000412.000.00.00.H1 2	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	X		
121	1.012922.000.00.00.H1 2	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	X		
122	1.012837.000.00.00.H12	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	X		

123	1.012836.000.00.00.H1 2	Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	X		
124	1.012817.000.00.00.H1 2	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	X		
125	1.012818.000.00.00.H1 2	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	X		
126	1.012791.000.00.00.H1 2	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	X		
127	1.012796.000.00.00.H1 2	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	X		
128	1.012753.000.00.00.H1 2	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	X		
129	1.012812.000.00.00.H1 2	Hòa giải tranh chấp đất đai	X		
130	1.012695.000.00.00.H1 2	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	X		
131	1.012694.000.00.00.H1 2	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	X		
132	1.012531.000.00.00.H1 2	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	X		
133	3.000250.000.00.00.H1 2	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	X		
134	1.011608.000.00.00.H1 2	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	X		
135	1.011607.000.00.00.H1 2	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	X		
136	1.011606.000.00.00.H1 2	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	X		
137	1.011609.000.00.00.H12	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	X		
69					

138	1.011471.000.00.00.H1 2	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	X		
139	1.003434.000.00.00.H1 2	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	X		
140	1.007919.000.00.00.H1 2	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	X		
141	1.003956.000.00.00.H1 2	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	X		
142	1.004498.000.00.00.H1 2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	X		
IV	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP				
143	1.002211.000.00.00.H1 2	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	X		
144	1.000656.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký khai tử	X		
145	1.004837.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký giám hộ	X		
146	2.002349.H12	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	X		
147	1.000080.H12	đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	X		
148	1.004827.H12	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	X		
149	1.000110.H12	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	X		
150	2.000424.H12	thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	X		
151	3.000323.000.00.00.H1 2	Đăng ký giám sát việc giám hộ	X		
152	3.000322.000.00.00.H1 2	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	X		
153	2.002363.000.00.00.H1 2	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	X		
154	2.000950.000.00.00.H1 2	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	X		
155	2.000930.000.00.00.H1 2	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	X		
156	1.001022.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	X		
157	1.001193.000.00.00.H1 2	Đăng ký khai sinh cấp xã	X		
158	1.004772.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	X		
159	1.004845.000.00.00.H12	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	X		

160	1.004859.000.00.00.H1 2	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	X		
161	1.004873.000.00.00.H1 2	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	X		
162	1.004884.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	X		
163	1.005461.000.00.00.H1 2	Đăng ký lại khai tử	X		
164	2.001255.000.00.00.H1 2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	X		
165	2.000522.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	X		
166	2.000748.000.00.00.H1 2	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	X		
167	2.000779.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	X		
168	2.000497.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	X		
169	1.000893.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	X		
170	2.002189.000.00.00.H1 2	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	X		
70					
171	2.000547.000.00.00.H1 2	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	X		
172	2.000554.000.00.00.H1 2	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	X		
173	2.000756.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	X		
174	1.001669.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	X		
175	2.000528.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	X		
176	1.001766.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	X		
177	2.002516.000.00.00.H1 2	Xác nhận thông tin hộ tịch	X		
178	2.000635.000.00.00.H1 2	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	X		
179	2.002080.000.00.00.H1 2	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	X		
180	1.003005.H12	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	X		
181	1.000094.H12	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	X		
182	2.001263.000.00.00.H1 2	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	X		

183	2.001009.000.00.00.H12	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	X		
184	2.001406.000.00.00.H1 2	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	X		
185	2.001016.000.00.00.H1 2	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	X		
186	2.001019.000.00.00.H1 2	Thủ tục chứng thực di chúc	X		
187	2.001035.000.00.00.H1 2	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	X		
188	2.000986.000.00.00.H1 2	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	X		
189	2.001023.000.00.00.H1 2	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	X		
190	1.001695.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	X		
191	1.003583.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	X		
192	1.000419.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	X		
193	1.000593.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	X		
194	1.000894.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký kết hôn	X	Ký vào Sổ bộ	
195	1.004746.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	X		
196	2.000513.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	X		
197	2.000806.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	X		
198	2.002165.000.00.00.H1 2	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	X		
199	2.001008.000.00.00.H1 2	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	X		
200	2.000992.000.00.00.H1 2	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	X		
201	1.000689.000.00.00.H1 2	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	X		
71					
202	2.000884.000.00.00.H1 2	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	X		
203	2.000815.000.00.00.H1 2	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	X		

204	2.000942.000.00.00.H1 2	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	X		
205	2.000927.000.00.00.H12	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	X		
206	2.000913.000.00.00.H1 2	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	X		
207	2.000908.000.00.00.H1 2	Cấp bản sao từ sổ gốc	X		
V	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ				
208	1.010821.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	X		
209	1.010816.000.00.00.H1 2	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	X		
210	1.010817.000.00.00.H1 2	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	X		
211	2.002308.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	X		
212	1.010833.000.00.00.H1 2	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	X		
213	1.013750.H12	Thăm viếng mộ liệt sĩ	X		
214	1.013734.H12	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	X		
215	1.010825.000.00.00.H1 2	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	X		
216	1.010811.000.00.00.H1 2	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	X		
217	1.010824.000.00.00.H1 2	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	X		
218	1.010802.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	X		
219	1.010804.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	X		
220	1.010803.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	X		
221	1.010819.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	X		
222	1.010820.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	X		
223	1.010829.000.00.00.H1 2	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	X		

224	1.010830.000.00.00.H1 2	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	X		
225	1.010818.000.00.00.H12	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	X		
226	1.010814.000.00.00.H1 2	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	X		
227	1.010801.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	X		
228	1.001257.000.00.00.H1 2	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	X		
229	1.004964.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia	X		
72					
230	2.001157.000.00.00.H1 2	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	X		
231	1.014359.H12	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	X		
232	1.014150.H12	Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	X		
233	1.014149.H12	Xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	X		
234	1.012426.H12	Tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” cho cá nhân theo công trạng	X		
235	1.013706.H12	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	X		
236	1.013703.H12	Thành lập hội	X		
237	1.013717.H12	Quỹ tự giải thể	X		
238	1.013710.H12	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giám sát cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	X		
239	1.013716.H12	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	X		
240	1.013708.H12	Hội tự giải thể	X		

241	1.013712.H12	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	X		
242	1.013713.H12	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	X		
243	1.013702.H12	Công nhận ban vận động thành lập hội	X		
244	1.013715.H12	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	X		
245	1.013709.H12	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	X		
246	1.013707.H12	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	X		
247	1.013714.H12	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	X		
248	1.013711.H12	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	X		
249	1.013704.H12	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	X		
250	1.013745.H12	Xác nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân	X		
251	1.010773.H12	Tổ chức phát động học tập tấm gương trong phạm vi cả nước đối với trường hợp hy sinh, bị thương quy định tại điểm k khoản 1 Điều 14 và điểm k khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh	X		
252	1.010783.H12	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý	X		
253	1.013743.H12	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đăng cư ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ, sỹ quan thuộc lực lượng vũ trang (công an, quân đội)	X		
254	1.013744.H12	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đăng cư ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng thuộc diện Trung ương quản lý	X		
255	1.013749.H12	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đăng cư ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	X		
256	1.010778.H12	Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”	X		

257	1.010774.H12	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	X		
258	1.010781.H12	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	X		
259	1.010772.H12	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”	X		
260	1.013725.H12	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh	X		
261	1.013724.H12	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	X		
262	1.012300.000.00.00.H1 2	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	X		
73					
263	1.012301.000.00.00.H1 2	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	X		
264	1.012299.000.00.00.H1 2	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	X		
265	1.010812.000.00.00.H1 2	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	X		
266	1.010805.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	X		
267	1.010815.000.00.00.H1 2	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	X		
268	1.010810.000.00.00.H1 2	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	X		
269	2.002307.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	X		
270	2.002303.000.00.00.H1 2	Lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý	X		
271	2.001396.000.00.00.H1 2	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	X		
VI	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO				
272	1.008951.000.00.00.H1 2	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	X		
273	1.008950.000.00.00.H1 2	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	X		
274	1.001622.000.00.00.H1 2	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	X		
275	1.003702.000.00.00.H1 2	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít	X		

		người			
276	2.001904.000.00.00.H1 2	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc THCS	X		
277	1.005108.000.00.00.H1 2	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc THCS	X		
278	3.000467.H12	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	X		
279	2.002482.000.00.00.H1 2	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	X		
280	2.002481.000.00.00.H1 2	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	X		
281	3.000182.000.00.00.H1 2	Tuyển sinh trung học cơ sở	X		
282	1.002407.000.00.00.H1 2	Xét, cấp học bổng chính sách	X		
283	1.005099.000.00.00.H12	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	X		
284	1.001714.000.00.00.H1 2	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	X		
285	1.005090.000.00.00.H1 2	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	X		
286	3.000468.H12	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	X		
287	2.002771.000.00.00.H1 2	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	X		
288	2.002770.000.00.00.H1 2	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	X		
289	3.000309.000.00.00.H1 2	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	X		
290	1.012964.000.00.00.H1 2	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	X		
291	1.012963.000.00.00.H1 2	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	X		
292	1.012961.000.00.00.H1 2	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	X		
293	1.012969.000.00.00.H1 2	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	X		
74					
294	1.012971.000.00.00.H1 2	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	X		
295	1.012967.000.00.00.H1 2	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	X		

296	3.000307.000.00.00.H1 2	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	X		
297	1.012973.000.00.00.H1 2	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	X		
298	1.012968.000.00.00.H1 2	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	X		
299	1.012962.000.00.00.H1 2	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	X		
300	3.000308.000.00.00.H1 2	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	X		
301	1.012974.000.00.00.H1 2	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	X		
302	1.012966.000.00.00.H1 2	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	X		
303	1.012965.000.00.00.H12	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	X		
304	1.012970.000.00.00.H1 2	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	X		
305	1.012972.000.00.00.H1 2	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	X		
306	1.012975.000.00.00.H1 2	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	X		
307	2.002483.000.00.00.H1 2	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	X		
308	1.008725.000.00.00.H1 2	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	X		
309	1.008724.000.00.00.H1 2	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	X		
310	2.002284.000.00.00.H1 2	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	X		
311	1.006445.000.00.00.H1 2	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	X		
312	1.006444.000.00.00.H1 2	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	X		
313	2.001842.000.00.00.H1 2	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	X		

314	1.001639.000.00.00.H1 2	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	X		
315	1.004552.000.00.00.H1 2	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	X		
316	1.004563.000.00.00.H1 2	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	X		
317	1.006390.000.00.00.H1 2	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	X		
318	1.000715.000.00.00.H1 2	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	X		
319	2.001960.000.00.00.H1 2	Thủ tục cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập	X		
320	1.000280.000.00.00.H1 2	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	X		
VII	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH				
321	1.014034.H12	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	X		
322	1.014035.H12	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	X		
75					
323	2.002668.000.00.00.H1 2	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	X		
324	2.002641.000.00.00.H1 2	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	X		
325	2.002646.000.00.00.H1 2	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	X		
326	2.002649.000.00.00.H1 2	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	X		
327	2.002640.000.00.00.H1 2	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	X		
328	2.002648.000.00.00.H1 2	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	X		
329	2.002650.000.00.00.H1 2	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	X		
330	2.002636.000.00.00.H1 2	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	X		

331	2.002635.000.00.00.H1 2	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	X		
332	2.002639.000.00.00.H1 2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	X		
333	2.002637.000.00.00.H1 2	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	X		
334	2.002645.000.00.00.H1 2	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	X		
335	2.002644.000.00.00.H1 2	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	X		
336	2.002643.000.00.00.H1 2	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	X		
337	2.002642.000.00.00.H1 2	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	X		
338	2.002638.000.00.00.H1 2	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	X		
339	1.004901.000.00.00.H1 2	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	X		
340	2.001958.000.00.00.H1 2	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	X		
341	1.004979.000.00.00.H1 2	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	X		
342	1.004982.000.00.00.H12	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	X		
343	1.005010.000.00.00.H1 2	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	X		
344	2.001973.000.00.00.H1 2	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	X		
345	1.005277.000.00.00.H1 2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	X		
346	2.002123.000.00.00.H1 2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	X		
347	1.005280.000.00.00.H1 2	Đăng ký thành lập hợp tác xã	X		
348	1.005377.000.00.00.H1 2	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	X		
349	1.005378.000.00.00.H1 2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	X		
350	2.000575.000.00.00.H1 2	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	X		

351	1.001266.000.00.00.H1 2	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	X		
76					
352	1.001570.000.00.00.H1 2	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	X		
353	2.000720.000.00.00.H1 2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	X		
354	1.001612.000.00.00.H1 2	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	X		
355	1.014371.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Quỹ hợp tác xã) địa phương hoạt động theo mô hình hợp tác xã	X		
356	3.000410.000.00.00.H1 2	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là di sản không có người thừa kế	X		
357	3.000327.000.00.00.H1 2	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	X		
358	3.000326.000.00.00.H1 2	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	X		
359	3.000325.000.00.00.H1 2	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	X		
360	1.013040.000.00.00.H1 2	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	X		
361	1.012996.000.00.00.H1 2	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	X		
362	1.012994.000.00.00.H1 2	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	X		
363	1.012995.000.00.00.H1 2	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	X		
364	1.008603.000.00.00.H1 2	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	X		
365	2.002226.000.00.00.H12	Thông báo thành lập tổ hợp tác	X		
366	2.002228.000.00.00.H1 2	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	X		
367	1.005412.000.00.00.H1 2	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	X		
VIII	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG				
368	2.001240.000.00.00.H1 2	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	X		
369	2.000615.000.00.00.H1 2	Cấp sửa đổi, bổ sung Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	X		
370	2.000620.000.00.00.H1 2	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	X		
371	1.001279.000.00.00.H1 2	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	X		
372	2.000629.000.00.00.H1 2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	X		

373	2.000633.000.00.00.H1 2	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	X		
374	2.000150.000.00.00.H1 2	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	X		
375	2.000162.000.00.00.H1 2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	X		
376	2.000181.000.00.00.H1 2	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	X		
377	2.000206.H12	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	X		
378	1.012569.000.00.00.H1 2	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	X		
379	1.012568.000.00.00.H1 2	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý	X		
380	2.002620.000.00.00.H1 2	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	X		
381	1.012427.000.00.00.H1 2	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	X		
382	2.001261.000.00.00.H1 2	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	X		
77					
383	2.001270.000.00.00.H1 2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	X		
384	2.001283.000.00.00.H1 2	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	X		
385	2.002096.000.00.00.H1 2	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	X		
IX	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO				
386	1.013796.H12	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔNG GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT XÃ	X		
387	1.013797.H12	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT XÃ	X		
388	1.013798.H12	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC TRONG MỘT XÃ	X		
389	1.012584.000.00.00.H1 2	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	X		

390	1.012582.000.00.00.H1 2	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	X		
391	1.012585.000.00.00.H1 2	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	X		
392	1.012590.000.00.00.H1 2	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	X		
393	1.012592.000.00.00.H1 2	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÍN NGUỒN (CẤP XÃ)	X		
394	1.012591.000.00.00.H1 2	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGUỒN (CẤP XÃ)	X		
395	1.012223.000.00.00.H1 2	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	X		
396	1.012222.000.00.00.H1 2	Công nhận người có uy tín	X		
X	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH				
397	1.014312.H12	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	X		
398	1.014310.H12	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	X		
399	1.013791.H12	tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	X		
400	1.013793.H12	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	X		
401	1.013794.H12	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	X		
402	1.013795.H12	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	X		
403	1.013792.H12	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	X		
404	1.012085.000.00.00.H1 2	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	X		
405	1.012084.000.00.00.H1 2	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	X		
406	1.003622.000.00.00.H1 2	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	X		
407	2.000794.000.00.00.H1 2	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	X		
XI	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA THANH TRA TỈNH				

408	2.002501.000.00.00.H1 2	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	X		
409	1.010945.000.00.00.H1 2	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	X		
410	2.002409.000.00.00.H1 2	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	X		
411	2.002396.000.00.00.H1 2	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	X		
412	2.002400.000.00.00.H1 2	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	X		
78					
413	2.002401.000.00.00.H1 2	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	X		
414	2.002402.000.00.00.H1 2	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	X		
415	2.002403.000.00.00.H1 2	Thủ tục thực hiện việc giải trình	X		
XI	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA CÔNG AN TỈNH				
416	3.000494.H12	Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân	X		
417	3.000509.H12	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, bị thương	X		
418	3.000510.H12	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị chết	X		
419	1.013314.000.00.00.H1 2	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	X		
420	1.013313.000.00.00.H1 2	Xác nhận nơi thường xuyên đầu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	X		
421	1.012533.000.00.00.H12	Tuyển chọn Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự	X		
422	1.012537.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ	X		
423	1.012538.000.00.00.H1 2	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ	X		

<i>XII</i>	LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH				
424	1.013173.H12	Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp “Giấy chứng nhận” đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ	X		
425	1.013128.H12	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cơ sở, cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển.	X		